TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ- TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 16/01/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Ông **Tô Mạnh Hà** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ L số 84/2019/TLST-DSST ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55 /2019/QĐXX – DS, ngày 27/12/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (Gpbank); Địa chỉ: Số 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Thông – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Huân, ông Nguyễn Quang Đạt. Có mặt ông Nguyễn Văn Huân.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1966. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đăng N. Có mặt.

Đều HKTT: Thôn Xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.3. Anh Nguyễn Đăng M, sinh năm 1991. Vắng mặt.

HKTT: Xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMTNHH MTV Dầu khí toàn cầu (Gọi tắt là GPBANK) ký kết 02 hợp đồng tín dụng với vợ chồng ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: **0097/2015/NCT/HĐTD** ngày 07/4/2014. Nội dung cụ thể:

+ Số tiền GPBANK cho vợ chồng ông N bà L vay: 300.000.000 VNĐ;
+ mục đích vay vốn: Tiêu dùng
+ thời hạn: 12 tháng kể từ ngày rút tiềnlần đầu tiên.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân số: **0136/2014/NCT/HĐTD** ngày 05/12/2014. Nội dung cụ thể:

+ Số tiền GPBANK cho vợ chồng ông N bà L vay: 150.000.000 VNĐ;
+ mục đích vay vốn: Hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân
+ thời hạn: 12 tháng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

GPBANK đã nhiều lần thông báo yêu cầu vợ chồng ông N và bà L trả nợ nhưng không kết quả.

Tính đến ngày 15/01/2020 thì theo các hợp đồng đã giao kết, GPBANK yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ như sau:

Tổng nợ: 855.439.165 đồng

Nợ gốc: 450.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 405.439.165 đồng

Kể từ ngày 16/01/2020 vợ chồng ông N và bà L tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Về yêu cầu xử L tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: ông N, bà L đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 018606/2013 ngày 16/04/2013 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Theo đó vợ chồng ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L thế chấp với GPBANK tài sản : Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 11, diện tích 608m2 tại địa chỉ: xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB 367399 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2010.

GPBANK khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông N và bà L không trả được nợ, GPBANK yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử L, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp.

2. Bị đơn trình bày:

Ông N, bà L thừa nhận vợ chồng ông đã ký 02 Hợp đồng tín dụng với Gpbank, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: **0097/2015/NCT/HĐTD** ngày 07/04/2014. Ông N, bà L đã vay: 300.000.000 VNĐ;

- Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân số: **0136/2014/NCT/HĐTD** ngày 05/12/2014. Ông N, bà L đã vay 150.000.000 VNĐ;

Sau khi vay tiền ngân hàng, gia đình ông làm ăn thua lỗ nên chưa trả được cho ngân hàng số tiền gốc.

Tạm tính đến ngày 15/01/2020 thì vợ chồng ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng nợ gốc: 450.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 405.439.165 đồng.

Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông N, bà L đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 018606/2013 ngày 16/04/2013 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Theo đó vợ chồng ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L thế chấp với GPBANK tài sản : Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 99 , tờ bản đồ số 11, diện tích 608m2 bao gồm 337m2 đất ở nông thôn, 208m2 đất trồng cây lâu năm và 63m2 đất lưu không, tại địa chỉ: xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB 367399 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2010

Bị đơn khẳng định việc ký Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và trực tiếp ký đúng quy định pháp luật. Khối tài sản thế chấp này thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông N, bà L. Hiện trên khối tài sản thế chấp có ông N, bà L, anh Mùi sinh sống, ngoài ra không cho ai mượn, không cho ai thuê, ở nhờ, không cầm cố thế chấp cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào khác. Khối tài sản đã thế chấp vẫn nguyên trạng như khi thế chấp, có tình trạng đúng như "Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ" do Tòa án và chính quyền địa phương tiến hành.

Nay ngân hàng khởi kiện buộc vợ chồng ông phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng toàn bộ nợ gốc và lãi. Ông đề nghị phía ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ cho vợ chồng ông và cho vợ chồng ông được miễn toàn bộ lãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đăng Mùi được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ L giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 855.439.165 đồng; trong đó nợ gốc: 450.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn: 405.439.165 đồng.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bị đơn không thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì phía ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại khối tài sản trên để đảm bảo việc thanh toán.

Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L cư trú tại: Xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ L giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa ngày 08/01/2020 vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có có L do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có L do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 0097/2015/NCT/HĐTD ngày 07/04/2014. Ông N, bà L đã vay: 300.000.000 VNĐ và Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân số: 0136/2014/NCT/HĐTD ngày 05/12/2014. Ông N, bà L đã vay 150.000.000 VNĐ. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định 02 Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu đã giải ngân cho ông N bà L vay đủ số tiền của 02 hợp đồng là 450.000.000 đồng, ông N và bà L đã nhận đủ thông qua khế ước nhận nợ.. Như vậy Ngân hàng GPBANK đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông N và bà L chưa trả được cho ngân hàng tiền gốc và lãi nào. Đến nay vợ chồng N, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ

trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông N, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu khởi kiện đề nghị buộc ông N, bà L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tạm tính đến ngày 15/01/2020 là Tổng nợ phải trả: 855.439.165 đồng. Cụ thể:

+ Nợ gốc: 450.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 405.439.165 đồng

Kể từ ngày 16/01/2020, ông N, bà L phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử L tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử L khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 018606/2013 ngày 16/4/2013 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm, thành phố Hà Nội. Theo đó vợ chồng ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L thế chấp với GPBANK tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 99 , tờ bản đồ số 11, diện tích 608m2 bao gồm 337m2 đất ở nông thôn, 208m2 đất trồng cây lâu năm và 63m2 đất lưu không, tại địa chỉ: xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB 367399 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2010. Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 018606/2013 ngày 16/4/2013 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử L tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 99 , tờ bản đồ số 11, diện tích 608m2 bao gồm 337m2 đất ở nông thôn, 208m2 đất trồng cây lâu năm và 63m2 đất lưu không, tại địa chỉ: xóm

Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB 367399 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2010 để thu hồi khoản nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng ông N và bà L đã ký với Ngân hàng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290,342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu toàn bộ số tiền còn nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 15/01/2020 là **855.439.165 đồng** *(tám trăm năm mươi năm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).* Trong đó:

+ Nợ gốc: **450.000.000 đồng**

+ Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: **405.439.165 đồng.**

Kể từ ngày 16/01/2020 ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng.

3. Về xử L tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông N và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 99 , tờ bản đồ số 11, diện tích 608m2 bao gồm 337m2 đất ở nông thôn, 208m2 đất trồng cây lâu năm và 63m2 đất lưu không, tại địa chỉ: xóm Trại, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB 367399 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2010.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông N và bà L vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị L phải chịu 37.663.184 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2015/0004397 ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Tưởng Ngọc Tuấn